

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST-BX

Ngày: 14/8/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
Về nuôi con khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Bằng và ông Chảo Láo Lủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Long - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST- HNGĐ ngày 17/4/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ-BX ngày 23/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sùng Thị D - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Y, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là Thôn Y, xã A, tỉnh Lào Cai)

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Sùng Thị D: Bà Mông Thu Thảo - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Tẩn Láo L - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Y, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Y, xã A, tỉnh Lào Cai).

Vắng mặt, lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025, bản tự khai ngày 17/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày: Chị và anh Tẩn Láo L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày

28/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh L làm ăn thua lỗ, sinh ra chán nản, hay cáu gắt mắng chửi vợ con, anh L còn cho rằng vì lấy chị nên anh không làm ăn phát triển kinh tế được. Khi mâu thuẫn xảy ra chị đã động viên giúp đỡ anh L trong khả năng của mình, nhưng không có kết quả anh chị ngày càng tranh cãi nhiều hơn, thậm trí anh còn đánh chị, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Đến nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tần Láo L.

Về con chung: Chị Sùng Thị D xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Tần Thúy H, sinh ngày 21/6/2019, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Sùng Thị D không yêu cầu anh Tần Láo L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Sùng Thị D xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tần Láo L, trong quá trình giải quyết vụ án, anh vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Tần Láo L vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và cũng không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì chị Sùng Thị D có đơn từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lào Cai nhận định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sùng Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị D ly hôn anh Tần Láo L;

Về con chung: Xử giao cháu Tần Thúy H, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tần Láo L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung;

Về án phí: Chị Sùng Thị D thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị D;

Ngoài ra đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Sùng Thị D trình bày: Chị Sùng Thị D và anh Tần Láo L chung sống không hạnh phúc, anh Tần Láo L thường xuyên đi chơi, không tu trí làm ăn, kinh tế gia đình gặp khó khăn anh chảnh nản, cáu gắt, mắng chửi vợ con, thậm trí còn đánh chị. Do không khắc phục được mâu thuẫn anh chị đã tự sống ly thân từ năm 2021, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tuyên xử cho chị Sùng Thị D ly hôn anh Tần Láo L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị Sùng Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tần Thúy Hường, sinh ngày 21/6/2019 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tần Láo L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Chị Sùng Thị D thuộc hộ nghèo. Vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho chị Sùng Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Sùng Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án Khu vực 7 - Lào Cai) giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Tần Láo L, sinh năm 1991 địa chỉ: Thôn Y, xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Y, xã A, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lào Cai (trước sáp nhập là Tòa án nhân dân

huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai). Nguyên đơn chị Sùng Thị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Sùng Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Sùng Thị D có mặt, bị đơn anh Tần Láo L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Tần Láo L và chị Sùng Thị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện: Chị Sùng Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tần Láo L.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị D và anh Tần Láo L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/5/2019 tại ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do anh chị bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên cãi nhau, do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị đã tự sống ly thân từ cuối năm 2021 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên tòa chị Sùng Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Tần Láo L. Đối với anh Tần Láo L vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh L không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Sùng Thị D và anh Tần Láo L đã thực sự trầm trọng, anh chị sống ly thân nhau đã lâu, việc chị Sùng Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Tần Láo L là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Sùng Thị D ly hôn anh Tần Láo L.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Sùng Thị D và anh Tần Láo L có một người con chung cháu Tần Thúy H, sinh ngày 21/6/2019, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Sùng Thị D thay chị D trình bày ý kiến của chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tần Thúy H và không yêu cầu anh Tần Láo L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Sùng Thị D đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, chứng minh hiện chị đang là lao động tự do tại địa phương, mức thu nhập bình quân đối với lao động nữ tại địa phương từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày. Anh Tần Láo L không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Tần Thúy H, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Tấn Thúy H cho chị Sùng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Sùng Thị D không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Sùng Thị D xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Sùng Thị D có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ Giấy chứng nhận hộ nghèo số 116/GCN-HN.HCN ngày 06/01/2025 của UBND xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã A, tỉnh Lào Cai) xác nhận hộ gia đình chị Sùng Thị D là hộ nghèo. Vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Sùng Thị D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị D ly hôn anh Tấn Láo L. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Tấn Thúy H, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Sùng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tấn Láo L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Tấn Láo L có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị D được miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 7 - Lào Cai (02);
- Đương sự (2)
- UBND xã A, tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng

